



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2015



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**đăng ký doanh nghiệp** Số 0101178800

ngày 3 tháng 8 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 8 năm 2015.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Giáp	Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 8 năm 2015)
Ông Kyohei Honoso	Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 6 năm 2015 đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)
Ông Lê Văn Hướng	Chủ tịch (đến ngày 21 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Mark Gerald Gillin	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên (đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)
Ông Hosono Kyohei	Thành viên (đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)
Ông Tashiro Masaaki	Thành viên (đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Giáp	Giám đốc (từ ngày 6 tháng 8 năm 2015)
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Giám đốc (từ ngày 21 tháng 6 năm 2015 đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)
Ông Lê Văn Hướng	Giám đốc (đến ngày 21 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Giám đốc (từ ngày 19 tháng 11 năm 2015)
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc (đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Dương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Xuân	Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2015)
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên (đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)

**Trụ sở đăng ký**

Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp  
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Giáp  
Giám đốc

Hà Nội, 15 -01- 2016

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 1 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến 53.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

*Tính hiện hữu, tính chính xác và khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán là các bên liên quan*

Trong quá trình thực hiện thủ tục soát xét, chúng tôi có nghi vấn về tính hiện hữu, tính chính xác và khả năng thu hồi của một số khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán là các bên liên quan của Công ty. Do vậy, chúng tôi đã quyết định thực hiện thêm thủ tục bổ sung bao gồm gửi thư xác nhận tới một số bên liên quan cho các số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

- 108.063 triệu VND liên quan đến các khoản phải thu khách hàng; và
- 9.428 triệu VND liên quan đến các khoản trả trước cho người bán.

Tuy nhiên, chúng tôi đã không thể thu thập được các thư xác nhận của các bên liên quan cho các số dư nêu trên. Do những hạn chế vốn có của hệ thống sổ sách kế toán và chứng từ nội bộ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục soát xét bổ sung nào để loại bỏ các nghi vấn này. Ngoài ra, việc các bên liên quan này không xác nhận số dư cũng như có một số dấu hiệu khác về việc không chắc chắn thu hồi được đầy đủ các khoản phải thu này, như việc xin gia hạn thanh toán các khoản nợ, cũng khiến chúng tôi có nghi vấn về khả năng thu hồi của các khoản này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh nào đối với các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 hay không.

***Khả năng thu hồi của khoản phải thu khách hàng và khoản trả trước cho người bán với các bên liên quan***

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất được việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng với các bên liên quan và Ban Giám đốc Công ty cũng chưa cập nhật dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu này tại ngày báo cáo. Nếu Ban Giám đốc Công ty cập nhật dự phòng dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu tại ngày báo cáo thì các khoản mục dự phòng phải thu khó đòi và chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng cùng một khoản là 10.206 triệu VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế phải nộp Nhà nước sẽ giảm cùng một khoản là 2.844 triệu VND, và lỗ lũy kế và lỗ sau thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 sẽ tăng cùng một khoản là 7.362 triệu VND.

Bao gồm trong khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 có khoản phải thu từ một khách hàng trị giá 10.798 triệu VND mà Ban Giám đốc Công ty đánh giá là có thể thu hồi được đầy đủ. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 36.660 triệu VND cho một khoản tạm ứng cho khách hàng này trong kỳ. Do những hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể hoàn tất được thủ tục soát xét cần thiết để loại bỏ các nghi vấn về khả năng có thể thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện điều chỉnh đối với số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về khoản mục dự phòng phải thu khó đòi, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Ngoài ra, trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty ghi nhận khoản trả trước cho một nhà cung cấp để mua máy móc thiết bị phục vụ cho các dự án đầu tư liên kết tại các bệnh viện với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 190.231 triệu VND. Các dự án liên kết này đã không còn được tiếp tục thực hiện. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đàm phán với nhà cung cấp này để tìm phương án xử lý các đơn đặt hàng và thu hồi các khoản trả trước này. Chúng tôi cũng không nhận được thư xác nhận của nhà cung cấp này cho các số dư của khoản trả trước cho nhà cung cấp tại ngày 30 tháng 9 năm 2015. Tình huống này đã khiến chúng tôi có nghi vấn về khả năng thu hồi khoản trả trước này. Do những hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể hoàn tất được thủ tục soát xét cần thiết để loại bỏ các nghi vấn này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện điều chỉnh đối với số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về khoản trả trước cho người bán, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 hay không.

### ***Khả năng thu hồi của khoản đầu tư dài hạn khác với một bên liên quan***

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 phản ánh khoản vốn góp vào một dự án đầu tư liên kết thiết bị y tế với một bên liên quan với giá trị ghi sổ là 110.750 triệu VND. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có nghi ngờ đáng kể nào về khả năng thu hồi của khoản đầu tư dài hạn khác này. Tuy nhiên, có những dấu hiệu của việc không chắc chắn thu hồi được đầy đủ khoản đầu tư dài hạn khác, như việc bên liên quan này đã không xác nhận số dư phải thu, xin gia hạn thanh toán các khoản nợ và trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015, Ban Giám đốc đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 315.361 triệu VND cho các khoản ứng trước và thanh toán hộ cho bên liên quan này. Do những hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể hoàn tất được thủ tục soát xét cần thiết để loại bỏ các nghi vấn về khả năng có thể thu hồi của khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện điều chỉnh đối với số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về các khoản đầu tư dài hạn khác, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 hay không.

### ***Tính đầy đủ, hiện hữu và chính xác của các khoản phải thu khác***

Như được trình bày tại Thuyết minh 7 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong khoản mục phải thu khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 có khoản phải thu có giá trị ghi sổ 2.869 triệu VND. Đây là khoản tiền mặt mà theo giải thích của Ban Giám đốc Công ty là bị cơ quan chức năng tạm giữ để phục vụ công tác điều tra. Do không có đầy đủ bằng chứng cho khoản mục này, chúng tôi không thể thực hiện thủ tục soát xét bổ sung nào mà chúng tôi thấy cần thiết để loại bỏ các nghi vấn về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của số dư phải thu khác này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thực hiện điều chỉnh nào đối với số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về phải thu khác, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 hay không.

### ***Các phụ tùng đã thay thế của tài sản cố định hữu hình***

Trong kỳ Công ty đã thực hiện một số việc sửa chữa và thay thế một số phụ tùng bị hỏng của một số hạng mục tài sản cố định của Công ty, với tổng nguyên giá của các phụ tùng thay thế là 20.899 triệu VND. Giá trị của các phụ tùng thay thế này đang được Công ty ghi nhận là Chi phí trả trước dài hạn – Công cụ, dụng cụ. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định giá trị còn lại của các phụ tùng bị hỏng và đã được thay thế để ghi giảm giá trị còn lại của khoản mục tài sản cố định có liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về tài sản cố định hữu hình, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

### **Kết luận soát xét ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 chưa được soát xét hay kiểm toán.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 15-02-304/2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2016



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>953.863.993.939</b>	<b>2.023.996.617.274</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>21.280.757.874</b>	<b>496.407.373.233</b>
Tiền	111		21.280.757.874	496.407.373.233
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>13</b>	-	<b>285.600.000.000</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		-	285.600.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>657.243.401.556</b>	<b>883.705.317.423</b>
Phải thu khách hàng	131		482.824.786.828	650.601.555.845
Trả trước cho người bán	132		326.908.759.767	233.805.934.048
Các khoản phải thu khác	135		420.644.817.512	686.288.218
Dự phòng phải thu khó đòi	139	34(b)(ii)	(573.134.962.551)	(1.388.460.688)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>262.614.774.294</b>	<b>347.396.105.866</b>
Hàng tồn kho	141		262.614.774.294	347.396.105.866
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.725.060.215</b>	<b>10.887.820.752</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		511.113.182	1.055.590.591
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		301.834.641	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		-	580.879
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	11.912.112.392	9.831.649.282

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>681.832.589.948</b>	<b>527.442.135.972</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7</b>	<b>6.988.354.040</b>	<b>7.265.148.006</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		6.988.354.040	7.265.148.006
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>531.526.906.357</b>	<b>502.450.214.137</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	391.301.266.175	358.232.821.423
<i>Nguyên giá</i>	222		806.517.374.951	743.350.010.477
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(415.216.108.776)	(385.117.189.054)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	94.335.047.489	97.958.629.106
<i>Nguyên giá</i>	225		100.846.609.981	99.976.917.241
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.511.562.492)	(2.018.288.135)
Tài sản cố định vô hình	227		3.271.341.071	3.590.096.411
<i>Nguyên giá</i>	228		5.092.877.147	5.092.877.147
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.821.536.076)	(1.502.780.736)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	42.619.251.622	42.668.667.197
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>112.252.000.000</b>	<b>10.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		750.000.000	500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		111.502.000.000	10.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.065.329.551</b>	<b>7.226.773.829</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	26.849.536.908	3.021.808.574
Tài sản dài hạn khác	268		4.215.792.643	4.204.965.255
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.635.696.583.887</b>	<b>2.551.438.753.246</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN


	Mã số	Thuyết minh	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>391.261.044.040</b>	<b>659.116.757.194</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>243.660.504.369</b>	<b>470.217.209.483</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	53.923.428.109	294.116.047.074
Phải trả người bán	312		94.316.585.494	97.536.168.833
Người mua trả tiền trước	313		12.295.898.132	5.794.443.000
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	314	17	67.978.031.803	66.083.134.895
Phải trả người lao động	315		3.474.118.708	2.133.605.976
Chi phí phải trả	316	18	6.487.758.396	993.849.740
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.184.683.727	3.559.959.965
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.600.539.671</b>	<b>188.899.547.711</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		88.757.721.460	85.146.061.700
Vay và nợ dài hạn	334	20	58.393.871.440	103.200.658.530
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	21	448.946.771	552.827.481
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.244.435.539.847</b>	<b>1.892.321.996.052</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.244.435.539.847</b>	<b>1.892.321.996.052</b>
Vốn cổ phần	411	23	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.408.328.850
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	19.211.235.252	19.211.235.252
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	420		(302.065.734.255)	345.700.721.950
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.635.696.583.887</b>	<b>2.551.438.753.246</b>

15 -01- 2016

Người lập:

  
 Lê Thị Mơ  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

  
 Hồ Bích Ngọc  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Giáp  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>203.631.721.606</b>	<b>492.403.965.806</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>146.953.512.979</b>	<b>339.962.189.790</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>56.678.208.627</b>	<b>152.441.776.016</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	579.368.083	296.999.687
Chi phí tài chính	22	28	19.925.669.893	23.388.786.690
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.591.271.487</i>	<i>23.215.385.351</i>
Chi phí bán hàng	24		8.622.313.738	4.250.650.116
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	669.471.268.414	12.941.832.898
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(640.761.675.335)</b>	<b>112.157.505.999</b>
Thu nhập khác	31	30	4.892.685.482	78.342.169.432
Chi phí khác	32	31	8.060.432.521	65.277.137.182
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.167.747.039)</b>	<b>13.065.032.250</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(643.929.422.374)</b>	<b>125.222.538.249</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>3.940.914.541</b>	<b>30.197.187.408</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(103.880.710)</b>	<b>(894.932.394)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(647.766.456.205)</b>	<b>95.920.283.235</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	62		(647.766.456.205)	95.920.283.235
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(5.758)	1.455

15 -01- 2016

Người lập:



Lê Thị Mơ  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Lê Văn Giáp  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(643.929.422.374)</b>	<b>125.222.538.249</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		37.320.696.554	35.553.230.053
Các khoản dự phòng	03		571.746.501.863	-
Xóa sổ các khoản phải thu và tạm ứng	03		83.486.554.346	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04		7.150.868.349	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(619.001.713)	(22.634.142.536)
Chi phí lãi vay	06		12.591.271.487	23.215.385.351
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>67.747.468.512</b>	<b>161.357.011.117</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(419.594.189.303)	(298.690.162.843)
Biến động hàng tồn kho	10		25.062.914.399	156.753.341.647
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.496.499.762	116.048.512.720
Biến động chi phí trả trước	12		(23.283.250.925)	2.472.580.493
			<b>(343.570.557.555)</b>	<b>137.941.283.134</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.944.869.928)	(24.209.235.091)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(24.435.163.997)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.401.913.110)	(1.786.441.078)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(367.917.340.593)</b>	<b>87.510.442.968</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.568.239.011)	(8.816.496.564)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.245.454.545	78.052.311.472
Tiền chi đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	23		(752.000.000)	-
Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24		295.600.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(250.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế	25		(110.750.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		262.814.578	73.412.379
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>177.788.030.112</b>	<b>69.309.227.287</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		175.467.235.870	19.814.944.630
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(460.466.641.925)	(184.822.525.805)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(406.837.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(284.999.406.055)</b>	<b>(165.414.418.558)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(475.128.716.536)</b>	<b>(8.594.748.303)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		496.407.373.233	59.248.506.772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		2.101.177	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>21.280.757.874</b>	<b>50.653.758.469</b>

15 -01- 2016

Người lập:



Lê Thị Mơ  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Lê Văn Giáp  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con. Các hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một văn phòng đại diện tại Phnom Penh (Campuchia), một công ty con và một công ty liên kết.

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Bán buôn thiết bị và dụng cụ y tế; bán lẻ dụng cụ y tế; sửa chữa, bảo trì thiết bị và dụng cụ y tế; cho thuê máy móc thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty và công ty con có 289 nhân viên (31/3/2015: 314 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong kỳ của Công ty là 647.766 triệu VND và lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 302.066 triệu VND (31/3/2015: lợi nhuận chưa phân phối là 345.701 triệu VND). Ngoài ra, trong kỳ, Công ty có sự biến động lớn về một số vị trí lãnh đạo chủ chốt của Công ty dẫn đến việc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sụt giảm đáng kể so với trước đây. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc ban lãnh đạo mới của Công ty có thể duy trì và khôi phục hoạt động bình thường của Công ty hay không.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng sẽ không thể duy trì và khôi phục hoạt động bình thường của Công ty.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC (“Thông tư 75”) bổ sung Điều 128 của Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Theo Thông tư 75, các doanh nghiệp lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và bán niên) được phép lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm 2015 theo Quyết định 15.

Ban Giám đốc Công ty quyết định tiếp tục áp dụng Quyết định 15 để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo Thông tư 75 và sẽ áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 để lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 trở đi.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(i) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phí chuyển giao công nghệ**

Phí chuyển giao công nghệ sản xuất lò đốt rác thải y tế được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(o) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo điều lệ của Công ty, khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

**(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(q) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ/năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và công ty con chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con hoạt động trong ba lĩnh vực hoạt động kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh 5 và một khu vực địa lý là Việt Nam. Do đó, mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

**5. Báo cáo bộ phận**

***Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh***

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán máy móc, thiết bị y tế: đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, buôn bán linh kiện thiết bị y tế và linh kiện điện tử;
- Liên kết thiết bị y tế: khai thác thiết bị y tế dưới hình thức hợp đồng liên kết khai thác với các bệnh viện; và
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế và kinh doanh phòng khám đa khoa.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Từ 1/4/2015 đến 30/9/2015</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	147.906.141.949	43.370.448.053	12.355.131.604	-	203.631.721.606
Doanh thu giữa các bộ phận	13.394.015.404	-	-	(13.394.015.404)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>161.300.157.353</b>	<b>43.370.448.053</b>	<b>12.355.131.604</b>	<b>(13.394.015.404)</b>	<b>203.631.721.606</b>
Chi phí phân bổ	(627.624.596.910)	(185.368.166.006)	(24.976.162.574)	12.921.830.359	(825.047.095.131)
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(466.324.439.557)</b>	<b>(141.997.717.953)</b>	<b>(12.621.030.970)</b>	<b>(472.185.045)</b>	<b>(621.415.373.525)</b>
Chi phí không phân bổ					(19.346.301.810)
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>(640.761.675.335)</b>
Thu nhập khác					4.892.685.482
Chi phí khác					(8.060.432.521)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.940.914.541)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					103.880.710
<b>Lỗ thuần sau thuế</b>					<b>(647.766.456.205)</b>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại ngày 30/9/2015</b>					
Tài sản của bộ phận	674.048.745.280	858.379.163.735	71.153.330.030	-	1.603.581.239.045
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	32.115.344.842
<b>Tổng tài sản</b>	<b>674.048.745.280</b>	<b>858.379.163.735</b>	<b>71.153.330.030</b>	<b>-</b>	<b>1.635.696.583.887</b>
Nợ phải trả của bộ phận	161.233.457.605	205.325.566.547	16.601.890.016	-	383.160.914.168
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	8.100.129.872
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>161.233.457.605</b>	<b>205.325.566.547</b>	<b>16.601.890.016</b>	<b>-</b>	<b>391.261.044.040</b>
<b>Từ 1/4/2015 đến 30/9/2015</b>					
Chi tiêu vốn	-	8.568.239.011	-	-	8.568.239.011
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.595.225.795	30.204.297.240	709.143.822	-	32.508.666.857
Khấu hao tài sản cố định vô hình	-	318.755.340	-	-	318.755.340
Khấu hao tài sản thuê tài chính	-	4.493.274.357	-	-	4.493.274.357

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Từ 1/4/2014 đến 30/9/2014 (Chưa soát xét)</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	412.916.782.916	68.582.076.687	10.905.106.203	-	492.403.965.806
Doanh thu giữa các bộ phận	63.518.369.630	-	-	(63.518.369.630)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>476.435.152.546</b>	<b>68.582.076.687</b>	<b>10.905.106.203</b>	<b>(63.518.369.630)</b>	<b>492.403.965.806</b>
Chi phí phân bổ	(382.640.105.188)	(35.451.568.940)	(1.874.137.813)	62.811.139.137	(357.154.672.804)
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>93.795.047.358</b>	<b>33.130.507.747</b>	<b>9.030.968.390</b>	<b>(707.230.493)</b>	<b>135.249.293.002</b>
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(23.091.787.003)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>112.157.505.999</b>
Thu nhập khác					78.342.169.432
Chi phí khác					(65.277.137.182)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(30.197.187.408)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					894.932.394
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>95.920.283.235</b>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại ngày 31/3/2015</b>					
Tài sản của bộ phận	716.756.931.004	963.408.273.285	76.011.323.456	-	1.756.176.527.745
Tài sản không phân bổ				-	795.262.225.501
	716.756.931.004	963.408.273.285	76.011.323.456	-	2.551.438.753.246
Nợ phải trả của bộ phận	240.535.665.941	323.309.117.169	25.508.555.991	-	589.353.339.101
Nợ phải trả không phân bổ				-	69.763.418.093
Tổng nợ phải trả	240.535.665.941	323.309.117.169	25.508.555.991	-	659.116.757.194
<b>Từ 1/4/2014 đến 30/9/2014</b>					
Chi tiêu vốn	-	8.816.496.564	-	-	8.816.496.564
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	671.336.237	33.876.812.488	696.694.036	-	35.244.842.761
Khấu hao tài sản cố định vô hình	-	308.387.292	-	-	308.387.292

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
Tiền mặt (*)	-	465.787.032.647
Tiền gửi ngân hàng	21.280.757.874	30.620.340.586
	<hr/> 21.280.757.874	<hr/> 496.407.373.233

(\*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, số dư tiền mặt bằng không. Kết tiền mặt của Công ty đang được cơ quan điều tra tạm thời thu giữ vào tháng 6 năm 2015 để phục vụ công tác điều tra đối với ông Lê Văn Hướng, nguyên Chủ tịch Công ty. Số tiền mặt đang tạm thời bị thu giữ này đang được ghi nhận là Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7). Kể từ thời điểm đó, Công ty giữ toàn bộ tiền trong tài khoản ngân hàng.

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan và trả trước cho các bên liên quan như sau:

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b> <b>Điều chỉnh lại</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Thương mại - ngắn hạn (*)	111.563.403.436	240.274.394.052
Phi thương mại	416.126.876.250	-
<b>Trả trước cho công ty liên quan (*)</b>	<hr/> 30.508.388.750	<hr/> 9.428.388.750

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(\*) Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã thuyết minh bổ sung cho số dư với một số bên liên quan chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 như trình bày dưới đây:

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b> <b>Điều chỉnh lại</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b> <b>Theo báo cáo</b> <b>trước đây</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan khác</b>		
Thương mại - ngắn hạn	240.274.394.052	-
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		
Trả trước cho các bên liên quan	<hr/> 9.428.388.750	<hr/> -

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Tiền ứng trước, tiền cho các bên liên quan vay và tiền thanh toán hộ các bên liên quan (i)	416.126.876.250	-
Phải thu từ cơ quan chức năng (ii)	2.869.483.293	-
Các khoản khác	1.648.457.969	686.288.218
	420.644.817.512	686.288.218

- (i) Trong kỳ, Công ty đã tạm ứng cho một công ty liên quan số tiền 110 tỷ VND cho mục đích thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư dự án liên kết thiết bị y tế và thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 280 tỷ VND cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) để bảo lãnh cho các khoản vay của một số bên liên quan tại ngân hàng này. Ngày 23 tháng 6 năm 2015, Vietinbank đã thu khoản bảo lãnh của Công ty trị giá 246,676 tỷ VND để thanh toán cho khoản gốc và lãi vay của những khoản vay của các bên liên quan này do họ vi phạm hợp đồng vay. Công ty cũng cho một công ty liên quan vay số tiền trị giá 35 tỷ VND và ứng trước cho một công ty liên quan số tiền trị giá 24,45 tỷ VND. Tổng giá trị các khoản tạm ứng, cho vay và thanh toán hộ các bên liên quan là 416,13 tỷ VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.
- (ii) Đây là khoản tiền mặt do cơ quan chức năng tạm giữ để phục vụ công tác điều tra sau khi ông Lê Văn Hường, nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty bị bắt tạm giam vào tháng 6 năm 2015.

**8. Hàng tồn kho**

	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Hàng mua đang đi trên đường	206.842.720	70.775.517.229
Nguyên vật liệu	28.092.390	28.092.390
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	212.028.233	212.028.233
Thành phẩm	325.905.303	333.771.098
Hàng hóa	257.220.829.177	276.046.696.916
Hàng gửi đi bán	4.621.076.471	-
	262.614.774.294	347.396.105.866

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, một số hàng hóa của Công ty với giá trị ghi sổ là 55.412 triệu VND (31/3/2015: 183.759 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh (i)	-	9.201.450.000
Đặt cọc ngắn hạn (ii)	11.912.112.392	630.199.282
	<hr/>	
	11.912.112.392	9.831.649.282
	<hr/>	

- (i) Tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh phát sinh trong kỳ là 76.838 triệu VND, trong đó bao gồm các khoản trị giá 26.912 triệu VND tạm ứng cho một số thành viên trong Ban Giám đốc của Công ty. Các khoản tạm ứng này đã được xóa sổ và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ như được trình bày tại Thuyết minh 29.
- (ii) Đây là các khoản đặt cọc tại các ngân hàng trong nước để bảo lãnh đấu thầu và hoàn tất các hợp đồng cung cấp thiết bị y tế cho các bệnh viện.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	1.025.186.364	711.202.973.993	29.183.509.950	1.938.340.170	743.350.010.477
Tăng trong kỳ	-	1.354.046.741	-	-	1.354.046.741
Chuyển từ hàng tồn kho	-	25.642.074.123	-	-	25.642.074.123
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	40.470.258.155	-	-	40.470.258.155
Thanh lý trong kỳ	-	-	(4.299.014.545)	-	(4.299.014.545)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.025.186.364</b>	<b>778.669.353.012</b>	<b>24.884.495.405</b>	<b>1.938.340.170</b>	<b>806.517.374.951</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	487.790.424	366.990.431.520	16.176.204.459	1.462.762.651	385.117.189.054
Khấu hao trong kỳ	58.973.490	31.374.131.584	956.085.656	119.476.127	32.508.666.857
Thanh lý trong kỳ	-	-	(2.409.747.135)	-	(2.409.747.135)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>546.763.914</b>	<b>398.364.563.104</b>	<b>14.722.542.980</b>	<b>1.582.238.778</b>	<b>415.216.108.776</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	537.395.940	344.212.542.473	13.007.305.491	475.577.519	358.232.821.423
Số dư cuối kỳ	478.422.450	380.304.789.908	10.161.952.425	356.101.392	391.301.266.175

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 211.890 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/3/2015: 148.560 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 62.243 triệu VND (31/3/2015: 239.077 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	99.976.917.241
Tăng trong kỳ	869.692.740
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	100.846.609.981
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.018.288.135
Khấu hao trong kỳ	4.493.274.357
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.511.562.492
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	97.958.629.106
Số dư cuối kỳ	94.335.047.489
	<hr/>

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b>	
	<b>kết thúc ngày 30/9/2015 VND</b>	<b>Từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/3/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ	42.668.667.197	68.616.916.562
Tăng trong kỳ	6.344.499.530	20.096.299.430
Chuyển từ hàng tồn kho	34.076.343.050	55.829.231.061
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(40.470.258.155)	(101.873.779.856)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	42.619.251.622	42.668.667.197
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các máy móc và thiết bị chưa lắp đặt xong cho các dự án liên kết thiết bị y tế. Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
Máy chụp cắt lớp Scenaria 128	21.285.000.000	21.285.000.000
Máy chụp Cộng hưởng từ Aris mate – Bệnh viện Tai mũi họng An Giang	9.300.000.000	9.300.000.000
Vỏ container cho xe khám lưu động	4.433.000.000	-
Sửa chữa nhà xưởng ở Bắc Giang	2.730.485.283	2.730.485.283
Máy chạy thận – Bệnh viện Cẩm Phả	1.092.000.000	-
Máy xử lý ảnh X quang – DR Konica	-	3.123.067.089
Máy chụp X-quang kỹ thuật số	-	1.890.000.000
Máy xét nghiệm sinh hóa	-	1.186.582.822
Các công trình khác	3.778.766.339	3.153.532.003
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	42.619.251.622	42.668.667.197

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**13. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Đầu tư ngắn hạn:		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	285.600.000.000
Đầu tư vốn dài hạn tại công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (*)	750.000.000	500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác		
▪ Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (**)	110.750.000.000	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	752.000.000	10.000.000.000
	112.252.000.000	10.500.000.000

(\*) Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín là một doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty tương đương với 25% vốn sở hữu và 25% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.

(\*\*) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với một bên liên quan tại ba bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty liên quan này chưa quyết toán giá trị của khoản lợi nhuận chia sẻ với các bệnh viện liên quan.

**14. Các khoản trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND	Các khoản trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.591.254.985	1.430.553.589	3.021.808.574
Tăng trong kỳ	21.180.690.172	4.022.082.075	25.202.772.247
Phân bổ trong kỳ	(654.530.113)	(720.513.800)	(1.375.043.913)
Số dư cuối kỳ	22.117.415.044	4.732.121.864	26.849.536.908

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/9/2015		31/3/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	571.744.400.682	125.783.768.150	-	-

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Vay ngắn hạn	35.929.420.617	252.501.069.839
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	17.994.007.492	41.614.977.235
	53.923.428.109	294.116.047.074

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	28.660.840.141	48.723.792.474
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	6.393.580.476	29.338.832.931
Vietinbank – Chi nhánh Quế Võ	VND	-	173.843.444.434
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	-	595.000.000
Khoản vay từ một cá nhân	VND	875.000.000	-
		35.929.420.617	252.501.069.839

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8,9% đến 10,5%/năm (31/3/2015: 8,9% đến 10,5%/năm). Khoản vay từ một cá nhân có kỳ hạn 2 tháng và không chịu lãi suất.

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 53.075 triệu VND (31/3/2015: 49.176 triệu VND) (Thuyết minh 10) và hàng hóa có giá trị ghi sổ là 55.412 triệu VND (31/3/2015: 183.759 triệu VND) (Thuyết minh 8).

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.642.210.898	5.112.552.855
Thuế nhập khẩu	7.376.695	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.831.054.126	60.890.139.585
Thuế thu nhập cá nhân	497.390.084	80.442.455
	<hr/>	<hr/>
	67.978.031.803	66.083.134.895
	<hr/>	<hr/>

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phạt chậm nộp thuế	5.847.507.097	-
Chi phí lãi vay	640.251.299	993.849.740
	<hr/>	<hr/>
	6.487.758.396	993.849.740
	<hr/>	<hr/>

**19. Các khoản phải trả khác**

	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	1.354.321.970	876.795.978
Thù lao cho Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	3.116.666.667	2.576.666.667
Chi phí phải trả khác	713.695.090	106.497.320
	<hr/>	<hr/>
	5.184.683.727	3.559.959.965
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN****20. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn (a)	9.281.600.000	73.046.246.960
Nợ thuê tài chính (b)	67.106.278.932	71.769.388.805
	<hr/> 76.387.878.932	<hr/> 144.815.635.765
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(17.994.007.492)	(41.614.977.235)
	<hr/> 58.393.871.440	<hr/> 103.200.658.530

(a) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	Thả nổi	2019	4.000.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Gia Định	VND	Thả nổi	2019	2.721.600.000	3.024.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội	VND	Thả nổi	2020	2.560.000.000	2.863.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	Thả nổi	2017	-	62.659.246.960
				<hr/> 9.281.600.000	<hr/> 73.046.246.960

Lãi suất của các khoản vay dài hạn trên được tính bằng lãi suất cơ sở của ngân hàng cho vay cộng (+) 4%/năm. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng và lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.168 triệu VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 (31/3/2015: 179.707 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

- (b) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và nợ lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không hủy ngang như sau:

**30/9/2015**

	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	16.873.505.720	4.917.380.897	11.956.124.823
Trong vòng hai đến năm năm	65.537.340.444	10.387.186.335	55.150.154.109
	<b>82.410.846.164</b>	<b>15.304.567.232</b>	<b>67.106.278.932</b>

**31/3/2015**

	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng một năm	19.051.238.399	6.032.061.169	13.019.177.230
Trong vòng hai đến năm năm	71.272.635.127	12.522.423.552	58.750.211.575
	<b>90.323.873.526</b>	<b>18.554.484.721</b>	<b>71.769.388.805</b>

**21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thể hiện khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến phần phân bổ khấu hao của các điều chỉnh trong năm 2013 về giá trị hợp lý đối với tài sản cố định của công ty con tại ngày mua.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2014</b>	568.185.300.000	152.689.048.850	-	17.127.227.933	224.541.755.613	962.543.332.396
-chưa soát xét						
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	95.920.283.235	95.920.283.235
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	2.084.007.319	(2.084.007.319)	-
Cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu	-	-	56.818.530.000	-	(85.227.795.000)	(28.409.265.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2014</b>	568.185.300.000	152.689.048.850	56.818.530.000	19.211.235.252	233.150.236.529	1.030.054.350.631
- chưa soát xét						
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2015</b>	1.125.001.710.000	402.408.328.850	-	19.211.235.252	345.700.721.950	1.892.321.996.052
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(647.766.456.205)	(647.766.456.205)
Chi phí phát hành cổ phiếu trong năm trước	-	(120.000.000)	-	-	-	(120.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015</b>	1.125.001.710.000	402.288.328.850	-	19.211.235.252	(302.065.734.255)	1.244.435.539.847



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2015 và 31/3/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	112.500.171	1.125.001.710.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	1.125.001.710.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**25. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
Bán hàng	150.751.482.916	412.916.782.916
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	43.370.448.053	68.582.076.687
Cung cấp dịch vụ	9.509.790.637	10.905.106.203
	203.631.721.606	492.403.965.806

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**26. Giá vốn hàng bán**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Bán hàng	107.447.795.578	298.679.480.090
Liên kết thiết bị y tế	35.691.144.339	39.516.149.932
Cung cấp dịch vụ	3.814.573.062	1.766.559.768
	<hr/>	<hr/>
	146.953.512.979	339.962.189.790
	<hr/>	<hr/>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	262.814.578	73.412.379
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	303.664.105	223.587.308
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.889.400	-
	<hr/>	<hr/>
	579.368.083	296.999.687
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	12.591.271.487	23.215.385.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.640.657	173.401.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.163.757.749	-
	<hr/>	<hr/>
	19.925.669.893	23.388.786.690
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 34(b)(ii))	571.746.501.863	-
Xóa sổ các khoản phải thu khác	6.648.179.259	-
Xóa sổ khoản tạm ứng (Thuyết minh 9)	76.838.375.087	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.238.212.205	12.941.832.898
	<hr/>	
	669.471.268.414	12.941.832.898
	<hr/>	

**30. Thu nhập khác**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.245.454.545	78.052.311.472
Thu nhập khác	2.647.230.937	289.857.960
	<hr/>	
	4.892.685.482	78.342.169.432
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**31. Chi phí khác**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	1.889.267.410	56.529.370.478
Phạt chậm nộp thuế	5.892.111.327	7.896.112.163
Chi phí khác	279.053.784	851.654.541
	<hr/>	<hr/>
	8.060.432.521	65.277.137.182
	<hr/>	<hr/>

**32. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	3.940.914.541	30.197.187.408
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(103.880.710)	(894.932.394)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	3.837.033.831	29.302.255.014
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(643.929.422.374)	125.222.538.249
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(141.664.472.922)	27.548.958.415
Chi phí không được khấu trừ thuế	19.717.738.603	2.079.408.439
Ảnh hưởng của thay đổi về thuế suất đối với thuế thu nhập hoãn lại	-	(326.111.840)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	125.783.768.150	-
	<b>3.837.033.831</b>	<b>29.302.255.014</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận chịu thuế (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014: 22%).

Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Việc tính toán thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi phụ thuộc vào điều chỉnh của cơ quan thuế địa phương.

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 647.766.456.205 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014: lợi nhuận thuần 95.920.283.235 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 112.500.171 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014: 65.909.207), được tính như sau:

**(a) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	(647.766.456.205)	95.920.283.235

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014 Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	112.500.171	56.818.530
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	-	5.681.565
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu theo quyền mua	-	3.409.112
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm</b>	<b>112.500.171</b>	<b>65.909.207</b>

**(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015	30/9/2014 Chưa soát xét
(Lỗ/lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông (VND))	(647.766.456.205)	95.920.283.235
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	112.500.171	65.909.207
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(5.758)</b>	<b>1.455</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**34. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc Công ty và công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	21.280.757.874	30.620.340.586
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	-	285.600.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn – tiền gửi ngân hàng	(i)	752.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	337.322.995.829	657.164.531.381
Tài sản ngắn hạn khác – Đặt cọc ngắn hạn	(i)	11.912.112.392	630.160.276
		371.267.866.095	984.015.032.243

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 720 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá thời hạn trả chậm cho phép được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
Trong hạn	226.639.747.039	655.759.204.618
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	286.000.000	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	30.279.353.107	-
Quá hạn trên 180 ngày	80.117.895.683	1.405.326.763
	<hr/>	
	337.322.995.829	657.164.531.381
	<hr/>	

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2015</b>	<b>30/9/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Số dư đầu kỳ	1.388.460.688	1.388.460.688
Tăng dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 29) (*)	571.746.501.863	-
	<hr/>	
	573.134.962.551	1.388.460.688
	<hr/>	

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>30/9/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu từ bên liên quan</b>		
Trả trước	21.080.000.000	-
Phải thu phi thương mại	416.126.876.250	-
<b>Phải thu từ bên thứ ba</b>		
Phải thu thương mại - ngắn hạn	99.293.086.301	1.388.460.688
Trả trước	36.635.000.000	-
	<hr/>	
	573.134.962.551	1.388.460.688
	<hr/>	



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b> <b>Triệu VND</b>
<b>30/9/2015</b>				
Vay ngắn hạn	35.929	36.437	36.437	-
Vay và nợ dài hạn	76.388	93.960	19.214	74.746
Phải trả người bán và phải trả khác	188.259	188.259	99.501	88.758
Nợ phải trả tài chính khác	6.488	6.488	6.488	-
	<b>307.064</b>	<b>325.144</b>	<b>161.640</b>	<b>163.504</b>
<b>31/3/2015</b>				
Vay ngắn hạn	294.116	312.578	312.578	-
Vay và nợ dài hạn	103.201	119.293	-	119.293
Phải trả người bán và phải trả khác	186.242	186.242	101.096	85.146
Nợ phải trả tài chính khác	994	994	994	-
	<b>584.553</b>	<b>619.107</b>	<b>414.668</b>	<b>204.439</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty và công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền	1.322	1.382
Phải trả người bán	(6.861.229)	(7.106.365)
	<hr/>	<hr/>
	(6.859.907)	(7.104.983)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và công ty con áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/9/2015</b>	<b>31/3/2015</b>
VND/USD	22.511	21.595

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với (lỗ)/lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với</b>
	<b>(lỗ)/ lợi nhuận thuần</b>
	<b>VND</b>
<b>Ngày 30/9/2015</b>	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.204.502.259)
	<hr/>
<b>Ngày 31/3/2015</b>	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.196.770.442)

Biến động ngược lại của tỷ giá VND/USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với (lỗ)/lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty tại ngày báo cáo.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và công ty con chịu lãi suất thả nổi. Công ty không thực hiện chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/9/2015 VND	31/3/2015 VND
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	752.000.000	295.600.000.000
Nợ phải trả tài chính	(35.929.420.617)	(252.501.069.839)
	<hr/>	<hr/>
	(35.177.420.617)	43.098.930.161
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tài sản tài chính	21.280.757.874	30.620.340.586
Nợ phải trả tài chính	(76.387.878.932)	(144.815.635.765)
	<hr/>	<hr/>
	(55.107.121.058)	(114.195.295.179)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 215 triệu (lỗ)/lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty trong kỳ (từ 1/1/2014 đến 31/3/2015: 831 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/9/2015		31/3/2015	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	21.281	21.281	496.407	496.407
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	337.323	(*)	657.165	(*)
- Tài sản ngắn hạn khác – đặt cọc ngắn hạn	11.912	(*)	630	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư sẵn sàng để bán:				
- Đầu tư dài hạn vào dự án liên kết thiết bị y tế	110.750	(*)	-	-
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư ngắn hạn và dài hạn - tiền gửi có kỳ hạn	752	(*)	295.600	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(188.259)	(*)	(186.242)	(*)
- Vay ngắn hạn	(35.929)	(*)	(294.116)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(76.388)	(*)	(103.201)	(*)
- Nợ phải trả tài chính khác	(6.488)	(*)	(994)	(*)
	174.954	(*)	865.249	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND
Thanh toán cổ tức bằng cổ phiếu	-	56.815.650.000

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (điều chỉnh bổ sung)**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Từ 1/1/2014 đến
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND	31/3/2015 VND
		Chưa soát xét	Điều chỉnh lại
<b>Công ty liên kết</b>			
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín</i>			
Góp vốn bằng tiền	250.000.000	-	-
<b>Các công ty liên quan</b>			
<i>Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông (*)</i>			
Tạm ứng, cho vay và trả hộ	100.766.069.778	-	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.988.199.414	74.888.590.072	121.992.003.210
Mua hàng	-	34.356.697.405	103.748.587.005
Thanh lý tài sản cố định	-	2.809.523.813	2.809.523.813
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (*)</i>			
Đầu tư vốn vào các hợp đồng liên kết	110.750.000.000	-	-
Tạm ứng, cho vay và trả hộ	315.360.806.472	-	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	31.305.428.571	102.685.578.790
Mua hàng	-	5.747.001.250	23.740.821.550
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, Thiết bị y tế RC (*)</i>			
Trả trước cho người bán	21.080.000.000	16.876.920.000	16.876.920.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	13.770.000
<b>Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>			
Tạm ứng	26.911.957.532	1.530.000.000	1.530.000.000
Tiền lương và thưởng	562.533.807	588.543.324	1.994.666.667

(\*) Đây là các doanh nghiệp do một số thành viên của Ban Giám đốc Công ty và thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân này nắm trực tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết. Các giao dịch với các bên liên quan này chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính cho giai đoạn 15 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 và do vậy được thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

#### *Công bố kế hoạch phân chia lợi nhuận sau ngày kết thúc kỳ kế toán*

Sau ngày báo cáo, tại cuộc họp ngày 19 tháng 11 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận chưa phân phối vào các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, trong đó lợi nhuận chưa phân phối được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng và phúc lợi với giá trị là 10.977.780.195 VND cho mỗi quỹ (5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng kết thúc ngày 31/3/2015). Thay đổi về các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 38. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2015 VND	30/9/2014 VND Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	101.676.313.276	299.308.493.530
Chi phí nhân công	17.554.388.944	13.568.657.025
Chi phí khấu hao	37.320.696.554	35.553.230.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.819.733	1.320.697.308
Chi phí khác	667.507.876.624	7.403.594.888

15 -01- 2016

Người lập:

Lê Thị Mơ  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Hồ Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Lê Văn Giáp  
Giám đốc